

Số: 24/TTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ sự thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang sửa đổi, bổ sung (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng!



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Tung**



## MỤC LỤC

<b>Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
<b>Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị...	7
<b>Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	10
<b>Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
<b>Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .....	14
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
Điều 20. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	16
Điều 21. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ..	17
Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	17
<b>Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	19
Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành và Tổng Giám đốc điều hành.....	19

Điều 25. Mỗi quan hệ với Ban kiểm soát .....	21
Điều 26. Mỗi quan hệ với cổ đông.....	22
Điều 27. Mỗi quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên .....	23
<b>Chương VII. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>24</b>
Điều 28. Mục đích giám sát .....	24
Điều 29. Nguyên tắc giám sát .....	24
Điều 30. Phương thức giám sát.....	24
<b>Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>24</b>
Điều 31. Hiệu lực thi hành.....	24

Kiên Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-KTC-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022,*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.*

*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang bao gồm các nội dung sau:*

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị; quy định phương thức thực hiện chức năng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang; quy định mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành, Ban kiểm soát, các phòng/ban chuyên môn, các đơn vị/chi nhánh trực thuộc, các cá nhân trong Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan bên ngoài Công ty nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; các cá nhân, đơn vị, bộ phận liên quan trong Công ty.

## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Tùy từng lĩnh vực cụ thể, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Mọi thành viên Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị để can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 Quy chế này.

## **Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về ý kiến của mình và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm nhận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (3) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

e) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch, mục tiêu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ;

g) Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và chấp hành việc phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;

h) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị<sup>1</sup>**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có tám (08) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

---

<sup>1</sup> Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

g) Đại diện Công ty và nhân danh Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị trong quan hệ đối ngoại, đồng thời chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì mối quan hệ với cổ đông và nhóm cổ đông lớn;

h) Sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;

i) Quyết định về việc cử thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đi công tác nước ngoài;

k) Xem xét, quyết định cử người đại diện phần vốn của Công ty, cử Kiểm soát viên tại công ty khác, trừ công ty con quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện đương nhiên thay Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch - khi Chủ tịch không thể ủy quyền) ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về nội dung được ủy quyền. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.



## **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị<sup>2</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

## **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường

<sup>2</sup> Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị**

Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị<sup>3</sup>**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

<sup>3</sup> Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Ban hành nghị quyết đề Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;

l) Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Trưởng/Phó phòng/ban nghiệp vụ/văn phòng đại diện, Giám đốc/Phó Giám đốc các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công ty; Phó Giám đốc công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các chức danh khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty. Trường hợp phân công, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm nhiệm chức vụ khác hoặc thôi phân công, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ kiêm nhiệm khác của Phó Tổng Giám đốc Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo, xin chủ trương Hội đồng quản trị bằng văn bản;

m) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

p) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, con dấu và các nguồn lực khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ Công ty quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn ba (3) ngày làm

việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn

bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;



h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Hội đồng quản trị quy định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị tại một văn bản cụ thể căn cứ trên tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những nhiệm vụ khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Tổng Giám đốc bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị.

## **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Điều 20. Trách nhiệm của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 21. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (6) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 20 Quy chế này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

### **Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp các hợp đồng, giao dịch với các cổ đông là tổ chức, doanh nghiệp nhà nước như: Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV, Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - TNHH MTV và Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang thì Hội đồng quản trị sẽ chấp thuận và xác lập bằng hợp đồng nguyên tắc; trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc sẽ ký kết thực hiện bằng các hợp đồng thương mại/tín dụng cụ thể.

4. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp

đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a) Luôn luôn trung thành vì lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- d) Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

### **Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành và Tổng Giám đốc điều hành**

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.



2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và duy trì ổn định các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Công ty; kịp thời bãi nhiệm các thành viên Ban Tổng Giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Hội đồng quản trị thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

5. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Trước các cuộc họp Hội đồng quản trị ba (3) ngày làm việc, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (quý, năm) và phương hướng hoạt động trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị).

7. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

9. Định kỳ hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình phương án đề xuất với Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt quy hoạch lãnh đạo đối với các chức danh: Giám đốc/Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty; Trưởng phòng/Phó trưởng phòng/ban nghiệp vụ/văn phòng đại diện/chi nhánh trực thuộc Công ty; Phó Giám đốc công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các chức danh khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.

10. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước, các cuộc đàm phán ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham gia.

11. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 05 năm, chiến lược phát triển trung - dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

12. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

13. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, trường hợp cần thiết người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử người đại diện Hội đồng quản trị cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).

14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

15. Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng quý, năm kế hoạch của Công ty để báo cáo Hội đồng quản trị.

16. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

17. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo Hội đồng quản trị phải do Tổng Giám đốc ký. Trường hợp đặc biệt, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng Giám đốc thực hiện, trường hợp này Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

## **Điều 25. Mối quan hệ với Ban kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban kiểm soát.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

6. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) chậm nhất sau năm (5) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban kiểm soát.

7. Ban kiểm soát phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

8. Trên cơ sở các ý kiến của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn hệ thống Công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

9. Thông qua Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị xem xét tính trung thực của các báo cáo tài chính, thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

10. Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

11. Ngoài các thông tin, báo cáo theo định kỳ, Kiểm soát viên, Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

12. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.

## **Điều 26. Mối quan hệ với cổ đông**

1. Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối sự tham gia của các cổ đông trong Công ty. Hội đồng quản trị và các thành viên Hội

đồng quản trị phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, phải có trách nhiệm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cổ đông những lượng thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp, đồng thời phải giữ mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết và thường xuyên, lâu dài với các cổ đông của Công ty.

2. Mối quan hệ với các cổ đông lớn phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty.

### **Điều 27. Mối quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên**

Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

#### **1. Đối với tổ chức Đảng**

a) Hội đồng quản trị tạo mọi điều kiện hỗ trợ tổ chức Đảng về tài chính, thời gian, cơ sở vật chất phục vụ các cuộc họp, các đợt tổ chức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, quần chúng, người lao động học tập nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, Đảng ủy chủ động trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đảng;

c) Đảng ủy chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong xây dựng, lãnh đạo và thực hiện Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo chính trị của tổ chức Đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể, chức năng quản lý của Hội đồng quản trị và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc;

d) Đảng ủy chủ động tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách cán bộ;

đ) Đảng ủy tôn trọng các nghị quyết của Hội đồng quản trị, khi thấy vấn đề nào chưa đúng thì cấp ủy trao đổi lại với Hội đồng quản trị để tạo sự đồng thuận.

#### **2. Đối với tổ chức Công đoàn**

a) Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận, Tổ Công đoàn có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên;

b) Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc ký thỏa ước lao động với Ban Chấp hành. Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn được tham gia Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty để giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty;

c) Hội đồng quản trị tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban Chấp hành Công đoàn đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và nhân viên làm việc tại Công ty.

### **3. Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên**

Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Đoàn Thanh niên cơ sở, các chi đoàn trực thuộc có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, thi đua, tổ chức các hoạt động, phong trào sôi nổi, thiết thực, gắn liền với đơn vị; đồng thời, thực hiện tốt chức năng lãnh đạo đoàn viên thanh niên, phát triển đoàn viên ưu tú, góp phần xây dựng lực lượng đoàn viên thanh niên Công ty vững mạnh, năng động, sáng tạo.

## **Chương VII. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 28. Mục đích giám sát**

1. Theo dõi và giám sát các công việc mà Hội đồng quản trị đã phân công cho các đơn vị, cá nhân thực hiện, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tế.

2. Đảm bảo cho công tác lãnh đạo, quản lý của Hội đồng quản trị được thông suốt, giữ nghiêm kỷ luật trong hệ thống Công ty, chống tham nhũng, lãng phí và mọi tiêu cực có thể phát sinh trong hoạt động của Công ty.

3. Đề cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân được Hội đồng quản trị phân công thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 29. Nguyên tắc giám sát**

1. Công tác giám sát được tiến hành thường xuyên, có kế hoạch, có sự phối hợp để tránh chồng chéo, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của Công ty.

2. Công tác giám sát phải đảm bảo dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty, không gây phiền hà và không cản trở hoạt động của đối tượng được giám sát.

3. Hội đồng quản trị phải có báo cáo giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

### **Điều 30. Phương thức giám sát**

Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc thông qua các phòng/ban nghiệp vụ để thực hiện việc giám sát các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

## **Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang gồm 08 Chương, 31 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2022.

2. Những nội dung phát sinh mà Quy chế này chưa quy định:

a) Nếu thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định hoặc báo cáo nếu vượt thẩm quyền để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định;

b) Nếu thuộc phạm vi của Ban điều hành thì Tổng Giám đốc quyết định hoặc báo cáo nếu vượt thẩm quyền để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

5. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT.KTC, ngày 01 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tung**



Số: 25 /TTr-KTC-BKS

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát  
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang sửa đổi, bổ sung (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Bạch Dương**



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	2
<b>CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>2</b>
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát .....	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	5
<b>CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>6</b>
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát .....	7
<b>CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>7</b>
Điều 13. Chế độ làm việc.....	7
Điều 14. Chế độ hội họp.....	8
<b>CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....</b>	<b>9</b>
Điều 15. Trình báo cáo hàng năm .....	9
Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan .....	10
<b>CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>10</b>
Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành .....	11
Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị .....	11
<b>CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>11</b>
Điều 21. Hiệu lực thi hành .....	11

*Kiên Giang, ngày      tháng      năm 2022*

## **QUY CHẾ**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày .....*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*

*Ban kiểm soát thống nhất ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang.*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang nhiệm kỳ 2022 - 2027 bao gồm các nội dung sau:*

#### **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## **Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát của Công ty có năm (05) kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.



4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III: BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Chế độ làm việc**

1. Được sử dụng các phương tiện làm việc, vật dụng cần thiết và phòng họp của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty, các kiểm soát viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Tất cả các kiểm soát viên chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật Công ty, trừ trường hợp được yêu cầu bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 14. Chế độ hội họp**

1. Họp Ban Kiểm soát thường kỳ: Trưởng Ban Kiểm soát có quyền triệu tập họp Ban Kiểm soát bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một (1) lần.

2. Họp Ban Kiểm soát bất thường: Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của ít nhất 2 thành viên Ban Kiểm soát.

3. Địa điểm họp: do Công ty bố trí.

4. Thông báo và chương trình họp Ban Kiểm soát: Các thành viên Ban Kiểm soát được thông báo họp và chương trình ít nhất trước ba (3) ngày làm việc trước cuộc họp.

5. Điều kiện cuộc họp Ban Kiểm soát: Số lượng thành viên dự họp phải có ít nhất 2/3 số kiểm soát viên (từ 3 kiểm soát viên trở lên).

6. Biểu quyết các quyết định của Ban Kiểm soát:

a) Mỗi kiểm soát viên có một phiếu biểu quyết, có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có quyền báo cáo với Hội đồng quản trị về những ý kiến đó.

b) Vấn đề được thông qua bằng biểu quyết đa số.

c) Trường hợp số biểu quyết tán thành hoặc phản đối ngang nhau, thì vấn đề được thông qua theo quan điểm của Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Hồ sơ cuộc họp Ban Kiểm soát: các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản của Ban Kiểm soát và lưu giữ tại văn phòng Công ty theo quy định của Công ty. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp, đánh số trang và đóng dấu giáp lai.

## **Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 15. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành quản lý khác;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

### **Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.



### **Điều 19. Mọi quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 20. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang gồm 7 Chương, 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2022

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Trong trường hợp những quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty có những quy định mới liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát, thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát kể từ ngày những quy định đó có hiệu lực./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thị Bạch Dương**

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT  
(Nhiệm kỳ 2022 - 2027)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang,  
Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang như sau:

**I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- BTC : Ban tổ chức.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền.

**II. Chủ tọa Đại hội**

Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những công việc cụ thể như sau:

1. Giới thiệu danh sách ứng cử, đề cử vào HĐQT và BKS.
2. Giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có).

**III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT: 08 người.
2. Nhiệm kỳ: 2022 - 2027.
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14):

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

#### **IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên: 05 người.

2. Nhiệm kỳ: 2022 - 2027.

3. Số lượng ứng viên BKS tối đa: Không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14):

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

#### **V. Nguyên tắc bầu cử**

1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và BKS.

**VI. Quy định đề cử thành viên HĐQT và BKS (theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp)**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên HĐQT; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên HĐQT; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên HĐQT; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên HĐQT; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên HĐQT; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên HĐQT; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên HĐQT.

Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên BKS; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên BKS; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên BKS; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa 04 ứng viên BKS.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

## **VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS**

### **1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT, BKS**

(Mẫu biểu được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: [www.ktcvn.com.vn](http://www.ktcvn.com.vn))

- Giấy đề nghị ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, BKS.
- Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên tham gia HĐQT, BKS.
- Sơ yếu lý lịch ứng viên.
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo quy định tại Quy chế này.
- Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực đối với nội dung trong hồ sơ của mình.

### **2. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ đề cử**

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 17h ngày 22/6/2022.

- Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

- Địa chỉ: Số 190, đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Điện thoại: (0297) 3862113 Fax: (0297) 3866080.

Trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

### **VIII. Danh sách ứng cử viên**

1. Dựa vào hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu làm thành viên HĐQT, BKS.

2. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự và A, B, C theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

### **IX. Phương thức bầu cử**

1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).

2. Theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

3. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, Đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

### **X. Phiếu bầu cử**

#### **1. Nội dung của Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu cử là phiếu có ghi mã số Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty ở góc trên, bên trái.

- Mỗi Đại biểu được phát Phiếu bầu cử HĐQT, BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

#### **2. Cách ghi Phiếu bầu cử**

- Cách ghi Phiếu bầu cử được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.

- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, Đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

**Lưu ý:** Trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

### **3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là Phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty ở phía trên, bên trái; Phiếu không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Phiếu bầu cử; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.

- Các Phiếu bầu cử sau đây được xem là phiếu không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu bầu cử.

+ Ghi nội dung trên Phiếu bầu cử bằng viết chì.

+ Gạch tên các ứng cử viên.

+ Phiếu bầu cử không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu bầu cử.

+ Số ứng viên mà Đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử.

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.

+ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.

+ Phiếu không có chữ ký của Đại biểu tham dự.

### **4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại Phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ Phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản Kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

**5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).**

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

#### **XI. Hiệu lực thi hành**

Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kết thúc.

Trên đây là Quy chế ứng cử, đề cử để bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Tung**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Tên tôi là: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng).

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Người ứng cử**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Họ tên cổ đông: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....  
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).  
Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi/Công ty tôi đề cử:  
Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: ...  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần).  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).  
Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại  
Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Người đề nghị đề cử**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM  
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HĐQT  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Hôm nay, ngày..... tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

▪ Thành viên HĐQT

1. Ông (Bà): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.**

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /.../..... tại .....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**CỔ ĐÔNG**

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)<sup>1</sup>

**<sup>1</sup>Đối với cổ đông pháp nhân:**

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Tên tôi là: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng).

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;

- Bản sao các bằng cấp;

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Người ứng cử**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Họ tên cổ đông: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....  
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).  
Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi/Công ty tôi đề cử:  
Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: ...  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần).  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).  
Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn !

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Người đề nghị đề cử**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM  
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BKS  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Hôm nay, ngày..... tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, cùng nhau nắm giữ..... cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

- Ông (Bà): .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú.....  
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

**Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.**

*Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:*

Ông (Bà): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi  
cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc  
tham gia đề cử vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày .../.../..... tại .....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**CỔ ĐÔNG**

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)<sup>2</sup>

---

**<sup>2</sup>Đối với cổ đông pháp nhân:**

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Cổ đông: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: .....  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Người đại diện theo pháp luật: .....  
Hiện đang sở hữu: .....  
Mã chứng khoán: KTC  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....  
Từ ngày: ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Cổ đông**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
Về việc xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán .....

Họ tên chủ tài khoản: .....

CMND/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng).

Từ ngày: ...../...../..... đến ngày: ...../...../.....

Đề nghị Công ty Cổ phần ..... xác nhận giúp tôi/chúng  
tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Chủ tài khoản**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)